

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm của
Cơ quan Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 04/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TU, ngày 26/02/2021, Thông báo Kết luận số 91-TB/TU, ngày 18/5/2021 và Kết luận số 159-KL/TU, ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh tại Công văn số 288-CV/ĐUK, ngày 06/7/2021 và của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH


Điều 1. Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với Cơ quan Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, thực hiện từ năm 2021 như sau:

- Số vị trí việc làm: 21
- Tổ chức bộ máy: Thực hiện theo Quyết định số 1991-QĐ/TU, ngày 19/3/2020 và Kết luận số 159-KL/TU, ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Số biên chế: Tạm giao 18 biên chế (trong đó bao gồm 02 hợp đồng 68).
- Tỷ lệ ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở lên tạm giao: 38,89% (tương đương 07 cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên).

Điều 2. Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các nội dung điều chỉnh Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong cơ quan. Bao gồm các nội dung sau:

1. Rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được điều chỉnh.

2. Thực hiện việc tiếp nhận, tuyển dụng và quản lý công chức đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức theo quy định.

Điều 3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VPTU, P TC-CB.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Quận

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*Lâm Đồng, ngày 23 tháng 7 năm 2021***KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 341 -QĐ/TU, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	21	16	2	1	6	8	3	
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	11	11		1	6	4		
1.1	Bí thư Đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		1		1				
1.2	Phó Bí thư Đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
1.3	Trưởng ban Đảng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.4	Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.5	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
1.6	Bí thư Đoàn thanh niên (Kiêm Phó Văn phòng)		1			1			
1.7	Phó ban Đảng (Kiêm công tác chuyên môn)		1				1		
1.8	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)		1				1		
1.9	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn) kiêm Bí thư Đoàn thanh niên		KN						
1.10	Phó bí thư Đoàn khối (Kiêm công tác chuyên môn)		1				1		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
1.11	Ủy viên UBKT Đảng uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)		1				1		
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6	3				3		
2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)		KN		x				
2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)		KN			x			
2.3	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức cơ sở Đảng (Trưởng, phó ban tổ chức kiêm)		KN			x			
2.4	Kiểm tra viên chính công tác Kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng (Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm UBKT kiêm)		KN			x			
2.5	Chuyên viên chính công tác văn phòng (Chánh, phó văn phòng kiêm)		KN			x			
2.6	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức cơ sở Đảng		3				3		
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	2	2			1	3	
3.1	Kế toán kiêm chuyên viên tổng hợp		1				1		
3.2	Văn thư, Lưu trữ, Thủ quỹ		1					1	
3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)			1				1	
3.4	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)			1				1	